TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 336/2024/HS-PT
Ngày 13 tháng 5 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Vũ Ngọc Huynh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngụy Tiến Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1030/2023/TLPT-HS ngày 21 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Trần Văn Th; Do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 536/2023/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị cáo:* **Trần Văn Th**; Sinh năm: 1961, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: đường P, Phường 11, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Tin Lành; Con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Trần Thị B (đã chết); Có vợ 1: Trần Thị L, sinh năm 1959 (đã ly hôn), vợ 2: Trang Thị Tuyết Nh, sinh năm: 1977 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 19/5/1999 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội "Cưỡng đoạt tài sản" tại Bản án số 920/HSST.

Bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 09/6/2020. (vắng mặt)

- *Bị hại có kháng cáo:* Ông Đào Thiện Q, sinh năm: 1985; Nơi cư trú: 47 đường số 3, khu phố 3, phường C, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Đào Thiện Q: Luật sư Lưu Thị Bích D, Luật sư Lưu Ngọc N – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có liên quan đến kháng cáo:*

1/. Bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1984; Nơi cư trú: đường Th, phường P1, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2/. Văn phòng công chứng Ninh Thị H; Địa chỉ: đường Tr, Phường 14, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ninh Thị H - Trưởng văn phòng. (có mặt)

(Trong vụ án, còn có 01 bị hại, 08 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Căn nhà Đường số 44, phường B, Quận 2 (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh do vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị M đứng tên chủ sở hữu. Ngày 06/9/2016, thông qua bà Đặng Thị Th (ngụ tại: khu phố 3, phường C, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh) và đối tượng tên H (chưa rõ lai lịch), bà M đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của căn nhà trên cho bà Lê Thị Kim Y (chưa rõ lai lịch) để vay số tiền 60 triệu đồng. Bà M giao giấy cùng bản chính sổ hộ khẩu và 02 giấy CMND của bà M và ông T cho bà Y và Huy.

Ngày 07/9/2016, Trần Văn Th được đối tượng tên H1 (chưa rõ lai lịch) và Lê Thị Mỹ D thuê đóng giả ông T để ký hợp đồng bán căn nhà Đường số 44, phường B, Quận 2 thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông T cho ông Ngô Châu Huy L với giá 300.000.000 đồng. H2 và D hứa hẹn sau khi ký công chứng sẽ cho tiền Th tiêu xài. Trước khi ký công chứng bán nhà khoảng một tuần, Th đã đưa bản chính giấy CMND của Th và 04-05 tấm hình 3x4 cho H2 và D để làm giấy tờ công chứng.

Khoảng 15 giờ 30 ngày 07/9/2016, H2 đưa Th tới quán lẩu trong hẻm gần chợ T2, quận T1 gặp đối tượng Lưu Hoàng H3 và người phụ nữ đóng giả bà Đinh Thị M (chưa rõ lai lịch), Lê Thị Mỹ D và một người phụ nữ lớn tuổi đi cùng H3. Trước khi gặp Công chứng viên để công chứng bán nhà, H3 đã đưa cho Th giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T nhưng dán hình của của Th và yêu cầu Th học thuộc tên, tuổi, địa chỉ của chủ nhà để trả lời khi Công chứng viên hỏi. Khoảng hơn 16 giờ cùng ngày, H3 dẫn Th và người đóng giả bà M đến địa điểm hẹn công chứng tại nhà đường Đ, phường T3, quận T1. Tại đây Công chứng viên Nguyễn Thị Mai H (thuộc Văn phòng công chứng B nay là Văn phòng công chứng Ninh Thị H) và ông Ninh Thanh H4 (là người giúp việc cho Công chứng viên) tiến hành cho Th ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất nêu trên cho ông L. Sau khi ký công chứng, đến chiều tối cùng ngày, H2 hẹn Th đến Ngã tư G trả cho Th số tiền 04 triệu đồng là tiền công đóng giả ông T để ký hợp đồng.

Ngày 20/9/2016, ông L hoàn thành thủ tục đăng bộ sang tên nhà, đất và rao bán căn nhà trên với giá là 1.050.000.000 đồng. Thông qua Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Thanh T, Bùi Minh L và qua tìm hiểu thông tin từ Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Quận 2, ông Lê Tuấn A và ông Đào Thiện Q cùng góp vốn mua nhà của ông

L (ông Q góp 750.000.000 đồng, ông Tuấn A góp 300.000.000 đồng) và do ông Q đứng tên trên giấy tờ nhà đất. Ngày 26/9/2016, tại Văn phòng Công chứng Th (địa chỉ đường L, phường A, Quận 2) ông L đã ký hợp đồng chuyển nhượng căn nhà Đường số 44, phường B, Quận 2 cho ông Q với giá là 1.050.000.000 đồng, có chứng thực của Công chứng viên Trần Thị Hải Y. Sau khi ký hợp đồng xong, tại phòng Công chứng ông Q đã giao cho ông L đủ số tiền nêu trên. Đến ngày 11/10/2016, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Quận 2 đã cập nhật biến động căn nhà sang tên ông Q.

Sau đó ông Lê Tuấn A cầm giấy tờ nhà đến gặp gia đình bà M yêu cầu bàn giao nhà, nên ngày 17/10/2016 bà M làm đơn tố cáo đến Công an Quận 2. Cơ quan CSĐT Công an Quận 2 (nay là thành phố Th) chuyển hồ sơ tin báo của bà M đến cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hồ Chí Minh để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Đến ngày 21/11/2016 và ngày 10/10/2017, ông Q gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 2 và Công an Thành phố Hồ Chí Minh tố cáo việc bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản như nêu trên.

Quá trình điều tra, bà Đinh Thị M giao nộp 02 giấy CMND (bản chính) mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị M nhưng dán hình của bị cáo Th và người phụ nữ đóng giả bà M.

Tại Bản kết luận giám định số 449 ngày 18/7/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, số vào sổ cấp GCN: CH 03788 do UBND Quận 2 cấp ngày 16/9/2015 do ông Q giao nộp là thật.

- Giấy chứng minh nhân dân số 021439528 đứng tên Nguyễn Văn T và Giấy chứng minh nhân dân số 021439430 đứng tên Đinh Thị M có bản in mặt sau là thật còn bản in mặt trước là được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ viết "Tôi đã đọc và đồng ý" và chữ viết họ tên "Nguyễn Văn T" cần giám định so với chữ viết đứng tên "Nguyễn Văn T" dùng làm mẫu so sánh không phải do cùng một người viết ra. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký ghi tên "Nguyễn Văn T" cần giám định so với chữ ký đứng tên "Nguyễn Văn T" dùng làm mẫu so sánh.

- Chữ viết "Tôi đã đọc và đồng ý" và chữ viết họ tên "Đinh Thị M" cần giám định so với chữ viết đứng tên "Đinh Thị M" dùng làm mẫu so sánh không phải do cùng một người viết ra. Chữ ký dạng viết tên "Mẫu" cần giám định so với chữ viết đứng tên "Đinh Thị M" dùng làm mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

- Dấu vân tay mang tên "Nguyễn Văn T" và "Đinh Thị M" cần giám định so với dấu vân tay đứng tên "Nguyễn Văn T" và "Đinh Thị M" không do cùng một người in ra.

Tại Điện mật số 462/C53 ngày 22/6/2017 của Cục Hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát phúc đáp công văn số 2423/CV-PC45(Đ8) ngày 13/6/2017 đề nghị hỗ trợ tra cứu thông tin đối tượng theo dấu vân tay kết luận: Dấu vân tay ngón trỏ trái và ngón trỏ phải ghi tên Nguyễn Văn T được điểm chỉ tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 16249 ngày 07/9/2016 đồng nhất với vân tay ngón trỏ trái và ngón trỏ phải của Trần Văn Th (sinh năm 1961, cư trú: Đường P, Phường 11, quận T), có chỉ

bản kèm theo.

Tại bản Kết luận giám định số 1077/KLGĐ-TT ngày 01/9/2017 và bản Kết luận giám định số 936/KLGĐ-TT ngày 04/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Dấu vân tay mang tên "Nguyễn Văn T" cần giám định trùng với dấu vân tay đề tên "Trần Văn Th" trên tài liệu so sánh.

Tại bản Kết luận giám định số 1351/KLGĐ-TT ngày 30/10/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Chữ viết họ tên Ngô Châu Huy L trên các tài liệu giám định so với chữ viết họ tên Ngô Châu Huy L trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

- Dấu vân tay mang tên Ngô Châu Huy L trên tài liệu giám định trùng với dấu vân tay ngón trỏ phải và ngón trỏ trái của Ngô Châu Huy L trên tài liệu làm mẫu so sánh.

Ngày 14/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức". Ngày 31/10/2018, Cơ quan điều tra ra Quyết định khởi tố bị cáo và ra lệnh bắt tạm giam đối với Trần Văn Th về tội "Lùa đảo chiếm đoạt tài sản". Do Th bỏ trốn nên ngày 15/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định truy nã Th. Ngày 09/6/2020, Th bị bắt truy nã. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Th khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra Th còn khai biết rõ giấy CMND mang tên Nguyễn Văn T nhưng có dán hình của bị cáo là giả nhưng vẫn đồng ý sử dụng để đóng giả ông Nguyễn Văn T khi ký hợp đồng bán nhà cho ông Ngô Châu Huy L để hưởng lợi số tiền 04 triệu đồng. Do vậy, ngày 06/9/2023, Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố bổ sung bị cáo đối với Th về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 536/2023/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: bị cáo Trần Văn Th 12 (mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Văn Th 03 (ba) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Trần Văn Th phải chấp hành một hình phạt chung cho cả hai tội là 15 (mười lăm) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Trần Văn Th bồi thường cho các bị hại Đào Thiện Q và Lê Tuấn A số tiền 1.050.000.000 (một tỷ không trăm năm mươi triệu) đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bị hại về việc buộc bị cáo phải trả lãi theo lãi suất Ngân hàng tính từ khi bị chiếm đoạt số tiền trên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/11/2023, bị hại ông Đào Thiện Q có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại, với lý do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định chính xác trách nhiệm của Văn phòng công chứng Ninh Thị H và có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội của bà Nguyễn Thị Mai H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đào Thiện Q được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Văn Th phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", xử phạt bị cáo 15 năm tù về 02 tội và đồng thời buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 1.050.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm của công chứng viên Nguyễn Thị Mai H và Văn phòng công chứng Ninh Thị H. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Đào Thiện Q làm trong thời hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đào Thiện Q được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã rõ, sự vắng mặt của ông Đào Thiện Q không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan vụ án. Vì vậy, căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị hại Đào Thiện Q.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định:

Nhà và đất tại số 32, đường số 44, phường B, Quận 2 (nay là thành phố Th) thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị M. Sau khi ông T, bà M thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền của đối tượng Lê Thị Kim Y (chưa rõ lai lịch); thì H2 (chưa rõ lai lịch) thuê Trần Văn Th đóng giả ông T và một người phụ nữ khác đóng giả bà M, sử dụng giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất đứng tên ông T, bà M để ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất cho ông Ngô Châu Huy L. Sau khi được sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông L chuyển nhượng lại cho ông Lê Tuấn A và ông Đào Thiện Q với giá 1.050.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Trần Văn Th 12 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; 03 năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015; đồng thời buộc bị cáo Th bồi thường cho ông Lê Tuấn A và ông Đào Thiện Q 1.050.000.000 đồng.

[2.2]. Xét kháng cáo của bị hại ông Đào Thiện Q đề nghị hủy bản án sơ thẩm:

Ông Q cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định chính xác trách nhiệm của Văn phòng công chứng Ninh Thị H và có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội của bà Nguyễn Thị Mai H. Xét thấy, sau khi có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, bà Màu; các đối tượng Huy, Yến, H2 (không rõ lai lịch) đã nhờ Trần Văn Th đóng giả ông T và một người phụ nữ khác đóng giả bà M để ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông L. Bị cáo Th và các đối tượng trên sử dụng giấy chứng minh nhân dân của ông T, bà M, dán ảnh của bị cáo Th và người phụ nữ khác, đóng giả chủ sử dụng đất để ký hợp đồng công chứng. Do giấy tờ nhân thân đã bị làm giả nên khi công chứng hợp đồng, công chứng viên không biết được bị cáo Th và người còn lại không phải là ông T, bà M và đã thực hiện việc công chứng. Trong vụ án này, không chứng minh được công chứng viên Nguyễn Thị Mai H và Văn phòng công chứng Ninh Thị H biết giấy tờ trong hồ sơ công chứng (chứng minh nhân dân) là giả mà vẫn cố tình thực hiện việc công chứng, tạo điều kiện cho bị cáo Th và các đối tượng khác lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với công chứng viên Nguyễn Thị Mai H, cũng như buộc Văn phòng công chứng Ninh Thị H liên đới bồi thường trách nhiệm dân sự.

Ông Đào Thiện Q cho rằng cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng nên đề nghị hủy án sơ thẩm để xét xử lại là không có căn cứ chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Đào Thiện Q.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 536/2023/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về trách nhiệm dân sự.

Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Trần Văn Th bồi thường cho các bị hại Đào Thiện Q và Lê Tuấn A số tiền 1.050.000.000 (một tỷ không trăm năm mươi triệu) đồng. Không chấp nhận

yêu cầu của bị hại về việc buộc bị cáo phải trả lãi theo lãi suất Ngân hàng tính từ khi bị chiếm đoạt số tiền trên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (2);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- Sở Tư pháp TP.HCM (1);
- Công an TP.HCM (1);
- Trại tạm giam Công an TP.HCM (2);
- Bị hại (1);
- Lưu VP(3), HS(2).16b.NTT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng